

Bản án số: 31/2021/HS-ST
Ngày 22 - 01 - 2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Nam.

Thẩm phán: Ông Phan T Nguyễn.

Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Việt.

2. Ông Trần Huỳnh.

3. Ông Phạm Văn Hề.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Lệ T - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 783/2020/HSST ngày 27 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 6605/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1973 tại Bình Định; nơi ĐKTT: Thôn Hưng Trị, xã Cát T, huyện Phù C, tỉnh Bình Định; chỗ ở: nhà trọ số 281/13 Trần Quang Khải, KP Đông T, phường Đông H, Thị xã Dĩ A, Bình Dương; nghề nghiệp: bán hàng rong; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Trương Thị Tuyết M; có vợ và 03 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 21/8/2020 “có mặt”.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Ông Hà Ngọc T, Luật sư Văn phòng Luật sư Hà Tuyên - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh “có mặt”.

Bị hại:

1. Bà Võ Thị V, sinh năm 1970, địa chỉ: 172A đường 11, khu phố 5, phường Linh X, quận Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh “vắng mặt”.

2. Ông Trịnh Văn V1, sinh năm 1970, địa chỉ: 172A đường 11, khu phố 5, phường Linh X, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2016, Nguyễn Văn T và bà Võ Thị V (sinh năm 1970, nơi cư trú 172 đường 11, khu phố 5, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh) quen biết nhau do cùng đi bán đậu phộng dạo và nảy sinh quan hệ tình cảm với nhau. Trong thời gian quan hệ tình cảm, T thường xuyên đến phòng trọ của bà V ngủ lại qua đêm. Đến khoảng năm 2019, bà V không cho T đến phòng trọ và thường hay lớn tiếng đuổi T về. Nghi ngờ bà V có quan hệ tình cảm với người khác nên giữa T và bà V xảy ra mâu thuẫn cãi nhau (bút lục 101).

Khoảng 23 giờ ngày 26/8/2019, sau khi đi uống rượu với bạn về, T chạy xe gắn máy hiệu Dream (không gắn biển số) đến phòng trọ của bà V (phòng trọ thứ 2 trong dãy 03 phòng trọ tại địa chỉ 172 đường 11, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức) xin vào ngủ nhưng bà V không cho T vào phòng và lớn tiếng đuổi T về, T tức giận bỏ về. Trên đường đi về T nhìn thấy một can nhựa (loại 0,5 lít màu trắng) vứt bỏ ngoài đường nên nảy sinh ý định mua xăng đến đốt phòng trọ của bà V rồi tự tử. Khoảng 01 giờ ngày 27/8/2019, T đến cây xăng Ngọc Anh (địa chỉ: Ngã ba chùa Cao Đài, đường Quốc lộ 1K, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức) mua khoảng 30.000 đồng tiền xăng đựng trong can nhựa nêu trên rồi điều khiển xe chạy đến phòng trọ của bà V. Trên đường quay lại phòng trọ của bà V, T đã ghé vào trước cửa tiệm thuốc tây Ngọc Dung (địa chỉ: Đường số 11, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức) nằm ngủ.

Đến khoảng 05 giờ 30 phút sáng ngày 27/8/2019, T thức dậy, chiết xăng từ can nhựa trên vào khoảng 1/3 chai nhựa (loại chai trà xanh không độ 500 ml, T thường đựng nước uống) rồi cầm can xăng và chai nhựa đi đến phòng trọ của bà V. T dựng xe trước cổng phòng trọ rồi cầm can nhựa đựng xăng trên tay phải và tay trái cầm chai nhựa có chứa xăng đi bộ vào trong dãy phòng trọ. Khi đến trước cửa phòng trọ của bà V, thấy cửa phòng trọ đóng, T gõ cửa nhưng bà V không trả lời. T mở cánh cửa sổ bên trái ra (cửa sổ không cài chốt bên trong) và dùng bật lửa mang theo bật lửa đốt cháy trên miệng chai nhựa rồi thả chai xăng đang cháy vào trong phòng trọ bà V. Ngay lúc đó, bà V thức dậy mở cửa phòng trọ bỏ chạy ra ngoài tri hô. T thấy lửa cháy nên chạy vào trong phòng trọ dập lửa, trên tay vẫn xách theo can xăng. Trong lúc dập lửa, can xăng trên tay T bị cháy ở miệng can nên T để can xăng xuống đất (cách cửa ra vào gần 01 mét). Do lửa cháy lan vào phòng trọ nên T hoảng sợ dùng chân đá can xăng ra ngoài, làm xăng văng vào người hàng xóm đến

tham gia chữa cháy là ông Trịnh Văn V1 và anh Lâm Trọng Hiếu làm anh Hiếu bị bỏng nhẹ và ông V1 bị bỏng nặng. Sau đó, T ra ngoài lấy xe bỏ đi.

Đến 10 giờ sáng cùng ngày, T đến Công an phường Linh Xuân, quận Thủ Đức đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên (bút lục 160-161, 184-191). Ngày 21/8/2020, T bị bắt tạm giam về tội “Giết người” và “Vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác”.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 1179/TgT.19 ngày 31/12/2019 của Trung tâm pháp y Sở y tế Thành phố Hồ Chí Minh kết luận thương tích của ông Trịnh Văn V1 là 41%. Các thương tích do bỏng nhiệt gây ra, không nguy hiểm đến tính mạng đương sự (bút lục 52-55).

Ngày 08/10/2019, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố có kết luận giám định số 11/KLGD-H trên các mẫu vật thu giữ được, kết luận:

- 01 mảnh nhựa bị cháy biến dạng có kích thước (20x30) cm tìm thấy thành phần xăng, dầu.

- 01 chai nhựa bị cháy biến dạng có kích thước (14x6) cm tìm thấy thành phần xăng, dầu.

Vật chứng thu giữ gồm: Theo biên bản giao nhận tang tài vật số NK2021/119 ngày 05/01/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Về dân sự: Bà Võ Thị V có đơn không yêu cầu xử lý hình sự và không yêu cầu bồi thường dân sự. Ông Lê Xuân Hùng không yêu cầu định giá tài sản, anh Lê Trọng Hiếu từ chối giám định thương tật và không yêu cầu bồi thường về dân sự đối với T. Ông Trịnh Văn V1 yêu cầu xử lý hình sự T và yêu cầu bồi thường số tiền 60.000.000 đồng. Hiện bị cáo T chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 569/CTr-VKS-P2 ngày 23/11/2020, Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Giết người” và tội “Vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác” theo điểm 1 điểm n khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phản tranh tụng tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm 1 điểm n khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 138, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 55, khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 12 đến 14 năm tù về tội “Giết người” và 06 đến 08 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác”. Tổng hợp hình phạt chung theo quy định.

Buộc bị cáo bồi thường theo yêu cầu của bị hại Trịnh Văn V1.

Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

- Bị hại V1 xác định bị cáo là người gây thương tích cho bị hại, đồng ý với mức án đề nghị của Kiểm sát viên và giữ nguyên yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm số tiền 60.000.000 đồng, gồm chi phí điều trị và mất thu nhập 03 tháng.

- Bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố là đúng với hành vi phạm tội của bị cáo không oan sai, nhưng cho rằng mình không mong muốn giết chết bị hại Võ Thị V. Đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại Trịnh Văn V1.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: thống nhất với quan điểm truy tố về tội danh và điều khoản của Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tội “Vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác” và đề nghị xem xét xử bị cáo về tội “Đe dọa giết người” chứ không phải tội “Giết người” do bị cáo không có ý định giết bị hại. Tuy nhiên, nếu Hội đồng xét xử tuyên xử bị cáo về tội “Giết người” thì đề nghị xem xét các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đầu thú; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; ngăn chặn hậu quả xảy ra; bị hại V có đơn không yêu cầu xử lý hình sự; phạm tội chưa đạt mà áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử cho bị cáo mức án dưới khung hình phạt.

- Bị cáo không bổ sung thêm phần trình bày bào chữa của luật sư.

- Kiểm sát viên đối đáp: hành vi khách quan của bị cáo dùng xăng đốt phòng trọ của bị hại là thể hiện tính chất côn đồ, bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người hậu quả chưa xảy ra là ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo nên bị cáo bị truy tố về tội “Giết người” là có cơ sở, thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt nên không phải thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, quan điểm bào chữa của luật sư về tội “Đe dọa giết người” và phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là không có căn cứ.

- Luật sư và Kiểm sát viên bảo lưu ý kiến của mình đã trình bày trước phiên tòa.

- Lời nói sau cùng của bị cáo đã biết lỗi của mình gây ra, ăn năn hối cải nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Xét lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa phù hợp với biên bản trình báo vụ việc, bản ảnh hiện trường, vật chứng đã được thu giữ, lời khai của người làm chứng, lời khai của bị hại, kết luận giám định và

các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở để xác định: do mâu thuẫn trong quan hệ tình cảm với bà Võ Thị V nên khoảng 5 giờ 30 phút ngày 27/8/2019, tại phòng trọ số 2 của nhà số 172 đường số 11, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Nguyễn Văn T đã có hành vi đốt chai xăng vớt vào phòng trọ của bà V gây cháy. Bà V phát hiện kịp thời bỏ chạy ra khỏi phòng trọ nên không nguy hiểm đến tính mạng. Thấy phòng trọ bị cháy, anh Lâm Trọng Hiếu và ông Trịnh Văn V1 (ở gần phòng trọ của bà V) chạy đến giúp dập lửa. Trong lúc cùng mọi người tham gia dập lửa, do sợ can xăng bị cáo T mang vào phòng trọ cháy lan sang khu vực khác nên bị cáo T đã dùng chân đá can xăng ra ngoài phòng trọ làm xăng văng trúng người ông Trịnh Văn V1 gây thương tích 41%. Ông V1 yêu cầu xử lý hình sự bị cáo T.

Riêng anh Hiếu từ chối giám định thương tật nên không có cơ sở xử lý bị cáo T về hành vi gây thương tích cho anh Hiếu.

Đối với ông Lê Xuân Hùng là chủ phòng trọ nơi bị cáo T dùng xăng đốt từ chối định giá tài sản nên không có cơ sở xử lý bị cáo T về hành vi “Hủy hoại tài sản”.

Do đó, Hội đồng xét xử đã đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm vào tội “Giết người” và tội “Vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác” tội phạm và hình phạt được quy định Điều 123 và Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình nhưng do mâu thuẫn với bị hại mà bị cáo đã dùng xăng đốt phòng trọ bị hại V trong lúc ngủ nếu không kịp thời phát hiện, không chế thì hậu quả chết người sẽ xảy ra. Hành vi khách quan của bị cáo thể hiện tính chất côn đồ, bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người hậu quả chưa xảy ra là ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo, là dấu hiệu định khung hình phạt được quy định tại điểm 1 điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (có khung hình phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình). Ngoài ra, bị cáo đã có hành vi vô ý gây thương tích với tỉ lệ 41% cho bị hại V1 là tình tiết định tội quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xét bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt đối với tội “Giết người” nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do bị cáo phạm 02 tội nên phải chịu tổng hợp hình phạt chung theo quy định tại Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu; đầu thú; bị hại V có đơn không yêu cầu xử lý hình sự là những tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Nên áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho bị cáo.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự về hình phạt đặt ra đối với bị cáo phải nghiêm, là hình phạt tù có thời hạn mới đủ sức giáo dục họ ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[2] Xét cáo trạng của Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T về khung, điều luật và tội danh như đã viện dẫn trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Với lập luận tại đoạn [1] Hội đồng xét xử chấp nhận phần luận tội của Kiểm sát viên, và một phần đề nghị của luật sư về các tình tiết giảm nhẹ, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo còn các đề nghị còn lại là không có cơ sở xem xét.

[3] Xét về trách nhiệm dân sự:

- Bà Võ Thị V không yêu cầu bồi thường dân sự.

- Ông Trịnh Văn V1 yêu cầu bồi thường số tiền 60.000.000 đồng, bị cáo là người có lỗi gây thiệt hại về sức khỏe của bị hại, và tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Căn cứ vào Điều 590 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử ghi nhận và buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại.

[4] Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của họ. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của họ đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Xét về xử lý vật chứng, án phí:

- 01 mảnh nhựa, 01 chai nhựa bị cháy biến dạng và 01 hộp quẹt màu trắng có ghi chữ “Hoa Việt” (của bị cáo T) không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 xe Dream không biển số (của bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội). Qua xác minh chiếc xe trên là do ông Hoàng Anh Dũng (ngụ tại: EaKtur, EaKtur, CưKuin, Đăklăk) đứng tên chủ sở hữu. Kết quả xác minh ông Dũng đã bỏ địa phương đi đâu không rõ nên chưa ghi được lời khai của ông Dũng về chiếc xe trên. Bị cáo T khai mua xe gắn máy trên tại tiệm sửa xe ở phường An Phú, Quận 2 (không nhớ rõ địa chỉ) vào năm 2015 với giá 1.500.000 đồng,

không có giấy tờ xe và giấy tờ mua bán. Cơ quan điều tra đã có thông báo truy tìm chủ sở hữu chiếc xe trên nên tiếp tục cho đăng báo tìm chủ sở hữu để xử lý theo quy định.

Theo quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm 1 điểm n khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 138, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 57, khoản 1 Điều 54 và Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ Điều 590 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 năm tù về tội “Giết người” và 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác”. Tổng hợp hình phạt chung là 09 năm 02 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/8/2020.

Buộc bị cáo bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho bị hại Trịnh Văn V1 số tiền 60.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tịch thu và tiêu hủy: 01 mảnh nhựa và 01 chai nhựa bị cháy biến dạng và 01 hộp quẹt màu trắng có ghi chữ “Hoa Việt”;

Giao Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh đăng báo tìm chủ sở hữu đối với 01 xe gắn máy nhãn hiệu Trung Quốc, loại xe 02 bánh, số loại không xác định, biển số không có, số khung VHHDCG033HH029672, số máy VLF1P50FMG-3-30029672 trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày đăng báo nếu hết thời hạn này mà không ai đến nhận thì tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

(Theo biên bản giao nhận tang tài vật số NK2021/119 ngày 05/01/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.H; (1)
- VKSND TP. H; (3)
- Cục THA DS; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Trại tạm giam; (1)
- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (2)
- THA HS; (1)
- Phòng PV06 - CA Tp. H; (1)
- Người bào chữa; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (20) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Nam